

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số 2799 /GPMT-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long).

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt (từ nhà vệ sinh; từ tắm giặt).
- Nguồn số 02: Nước thải từ nhà bếp.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. *Nguồn tiếp nhận nước thải:* Mương thoát nước tại dự án, sau đó thoát ra kênh 19/5.

2.2. *Vị trí xả nước thải:*

Áp Tổng Hưng B, xã Loan Mỹ, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Tọa độ (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°) tại vị trí nước thải sau xử lý thoát vào mương thoát nước tại dự án: X= 1110959; Y= 546125. Sau đó, mương thoát nước trong dự án dẫn ra kênh 19/5 tại tọa độ: X= 1110998; Y= 546110.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: Lưu lượng đề nghị cấp giấy phép $100 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ (24 giờ).

2.3.1. *Phương thức xả nước thải:* Tự chảy, xả mặt.

2.3.2. *Chế độ xả nước thải:* Liên tục 24 giờ/ngày.đêm.

2.3.3. *Chất lượng nước thải* được xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột A, hệ số $k=1$.

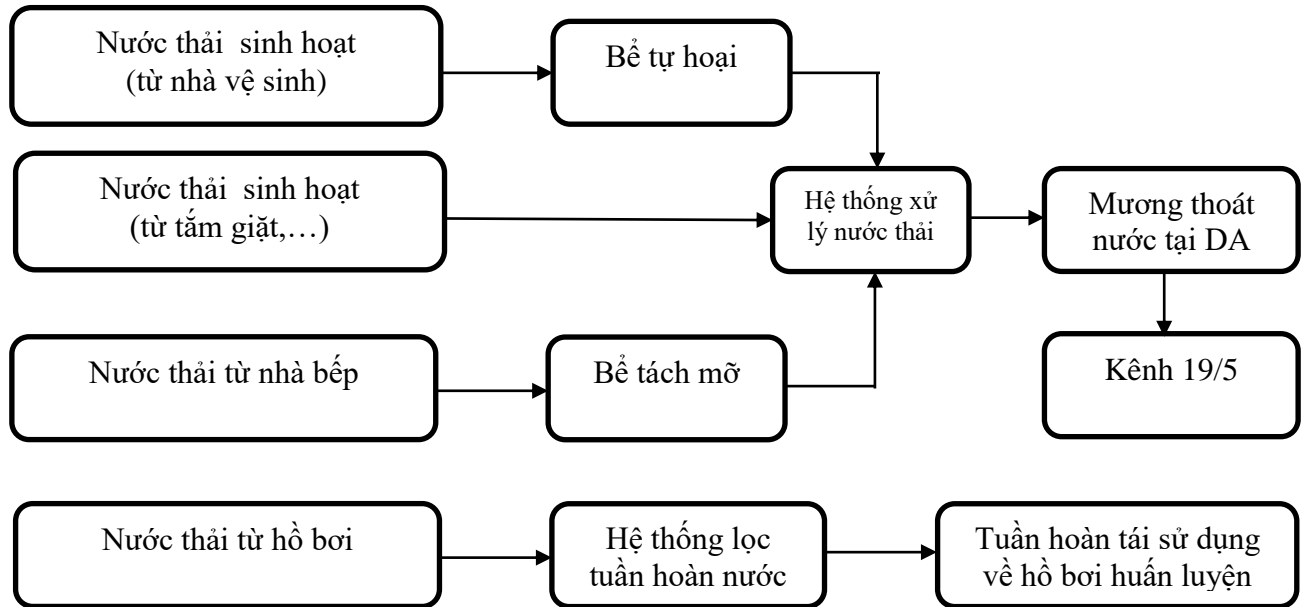
TT	Tên thông số ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột A, K=1)
1	pH	-	5 – 9
2	BOD ₅	mg/L	50
3	TSS	mg/L	100
4	Sunfua	mg/L	4
5	Amoni	mg/L	10
6	Nitrat	mg/L	50
7	Phosphat	mg/L	10
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	20
9	Tổng Coliforms	MPN/100 mL	5.000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Phương án thu gom và xử lý nước thải của toàn dự án được thể hiện sơ đồ sau:



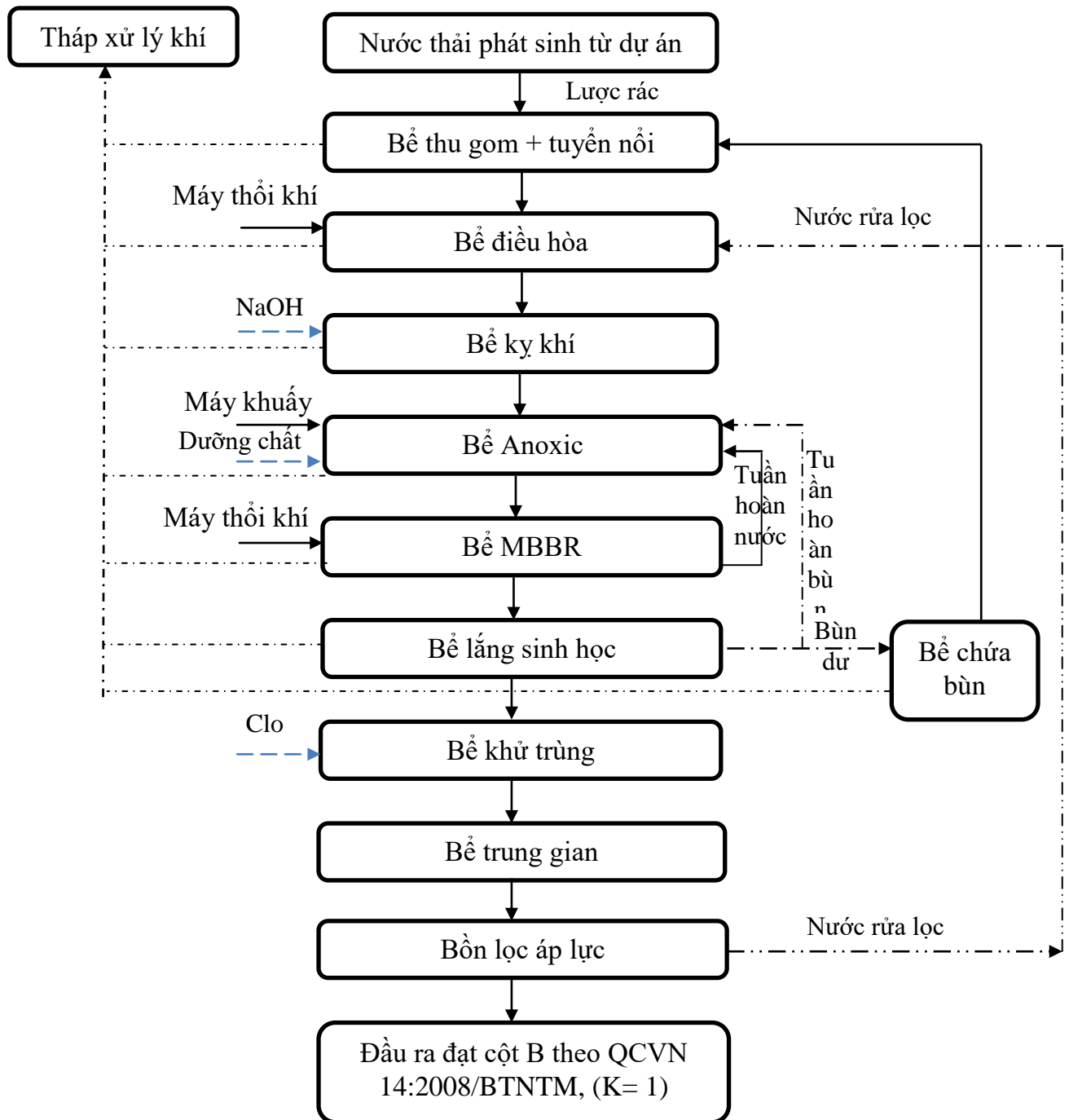
Thuyết minh quy trình:

Nước thải sinh hoạt (từ nhà vệ sinh) đã xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại (dự kiến có 7 bể tự hoại, thể tích 30 m³/bể); nước thải sinh hoạt (từ tắm giặt,...) cùng với nước thải từ nhà bếp đã xử lý sơ bộ bằng bể tách mỡ (dự kiến có 2 bể tách mỡ, thể tích 16 m³/bể), được thu gom nước thải dẫn về hệ thống xử lý nước thải của dự án để tiếp tục xử lý bởi đường ống HDPE D200. Nước thải sau xử lý đạt cột B theo QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Hệ số K= 1), thải vào mương thoát nước của dự án, sau đó dẫn ra kênh 19/5.

Nước thải từ hồ bơi khi hoạt động huấn luyện diễn ra thì đồng thời khởi động hệ thống lọc tuần hoàn nước nhằm xử lý nước thải hồ bơi và khử trùng mầm bệnh bởi Clo. Nước thải sau xử lý được tái sử dụng về hồ bơi huấn luyện.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tại dự án khoảng 86,08 m³/ngày.đêm. Do đó, chọn xây dựng hệ thống xử lý nước thải 100 m³/ngày.đêm (Đã bao gồm hệ số an toàn) để xử lý toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tại dự án.



Thuyết minh quy trình:

Nước thải từ dự án (nước thải sau bể tự hoại, nước thải sinh hoạt từ tắm giặt, nước thải sau bể tách dầu mỡ,...) sẽ được thu gom về hệ thống xử lý nước thải với công suất 100 m³/ngày.đêm.

Bể thu gom + tuyển nổi

Nước thải trước khi chảy vào hệ thống thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung chảy qua thiết bị lược rác, tại đây một số rác có kích thước lớn sẽ được giữ lại, việc tách rác có kích thước lớn nhằm bảo vệ cho máy móc thiết bị được hoạt động ổn định và tăng tuổi thọ cho thiết bị, đồng thời toàn bộ nước thải được tách mỡ hòa tan trong nước thải ở 02 dạng: Huyền phù và cặn lơ lửng bằng phương pháp khí nén làm nổi 85% các hạt lơ lửng tạo vầng bã mỡ bề mặt. Thu hồi bã mỡ bề mặt bằng máy gạt mỡ làm giảm nồng độ ô nhiễm đủ điều kiện cho giai đoạn xử lý sinh học. Ngoài ra,

tuyển nổi còn góp phần xử lý một phần lớn dư lượng phospho tổng trong nước thải. Sau đó, phần nước thải tách ra từ bã mỡ được bơm lên bể điều hòa thực hiện các quy trình xử lý tiếp theo.

Bể điều hòa

Bể điều hòa có nhiệm vụ điều hòa lưu lượng và nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải một cách ổn định trước khi đưa vào các công trình đơn vị phía sau, đặc biệt là cụm bể sinh học giúp cho các vi sinh có thể thích nghi với nước thải trong điều kiện ổn định, tránh được tình trạng vi sinh bị sốc tải. Bên cạnh đó, Bể điều hòa điều hòa lưu lượng và nồng độ cũng như chế độ hoạt động của các thiết bị cơ khí như bơm. Tại Bể điều hòa sẽ được bố trí hệ thống phân phối khí thô nhằm tạo điều kiện xáo trộn giúp ngăn chặn việc lắng cặn có thể gây phân hủy phát sinh mùi hôi trong quá trình vận hành. Từ Bể điều hòa, nước thải được bơm chìm bơm qua bể kỵ khí.

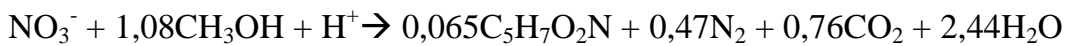
Bể kỵ khí

Nước sau khi qua bể điều hòa được đưa vào bể kỵ khí, tại bể dưới tác dụng của vi sinh vật kỵ khí (Vật liệu tiếp xúc (giá thể tổ ong) được đưa vào nhằm tăng khả năng tiếp xúc giữa nước và vi sinh vật, đồng thời tạo giá thể cho vi sinh vật bám dính) sẽ phân hủy các chất hữu cơ thành các chất dễ phân hủy: N_2 , CH_4 , CO_2 và nước. Trong quá trình xử lý nước thải sinh hoạt, cần bổ sung hóa chất NaOH nhằm tăng pH, tạo môi trường thích hợp cho hệ vi sinh vật phát triển tốt nhất.

Nước thải sau khi qua bể này sẽ được đưa qua bể sinh học thiếu khí (Bể Anoxic).

Bể Anoxic (Bể sinh học thiếu khí)

Nước thải từ bể kỵ khí sẽ được bơm vào bể Anoxic với mục đích chính khử nitơ từ sự chuyển hóa nitrate thành nitơ tự do theo phản ứng sau:



Lượng Nitrate này được tuần hoàn từ lượng bùn tuần hoàn từ bể lắng sinh học để giữ ổn định nồng độ bùn hoạt tính và tạo sinh khối cho vi sinh vật.

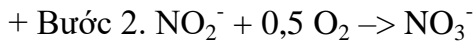
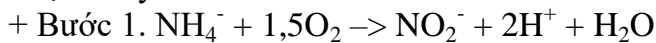
Trong quá trình xử lý nước thải sinh hoạt, cần bổ sung nguồn dưỡng chất từ bên ngoài, bổ sung dưỡng chất tăng nồng độ hàm lượng bùn trong bể sinh học thiếu khí nhằm tăng quá trình khử nitrat.

Nước thải sau bể Anoxic sẽ giảm tối đa nồng độ N, P (Hiệu suất xử lý 80% – 90%) và giảm một phần nồng độ ô nhiễm BOD₅, COD (Hiệu suất xử lý 10% – 20%). Bể Anoxic được khuấy trộn bằng máy khuấy chìm nhằm giữ bùn ở trạng thái lơ lửng và nhằm tạo sự tiếp xúc giữa nguồn thức ăn và vi sinh. Nước thải từ bể Anoxic chảy sang Bể MBBR.

Bể MBBR

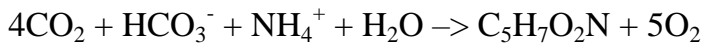
Thiết kế kết hợp với sử dụng giá thể vi sinh – Giá thể vi sinh MBBR được thiết kế để tối ưu hoá quá trình xử lý sinh học (đặc biệt đối với quá trình nitrat hoá), hoạt động trong điều kiện cung cấp oxy liên tục (thổi khí). Cấu trúc tối ưu cho quá trình tách bùn vi sinh và dòng nước tuần hoàn. Các vi sinh vật sử dụng các chất hữu cơ (BOD₅, COD), cặn rắn lơ lửng (SS), Nitơ, Phospho,... sẽ được chuyển hóa tạo thành CO₂, H₂O, N₂, sinh khối mới và năng lượng cung cấp cho quá trình sinh trưởng, phát triển của chúng.

Nitrat hoá là một quá trình tự dưỡng (Năng lượng cho sự phát triển của vi khuẩn được lấy từ các hợp chất oxy hoá của Nitơ, chủ yếu là Amoni. Ngược với các vi sinh vật dị dưỡng các vi khuẩn nitrat hoá sử dụng CO₂ (dạng vô cơ) hơn là các nguồn các bon hữu cơ để tổng hợp sinh khối mới. Sinh khối của các vi khuẩn nitrat hoá tạo thành trên một đơn vị của quá trình trao đổi chất nhỏ hơn nhiều lần so với sinh khối tạo thành của quá trình dị dưỡng. Quá trình Nitrat hoá từ Nitơ Amoni được chia làm hai bước và có liên quan tới hai loại vi sinh vật, đó là vi khuẩn *Nitrosomonas* và vi khuẩn *Nitrobacter*. Ở giai đoạn đầu tiên amoni được chuyển thành nitrit và ở bước thứ hai nitrit được chuyển thành nitrat.



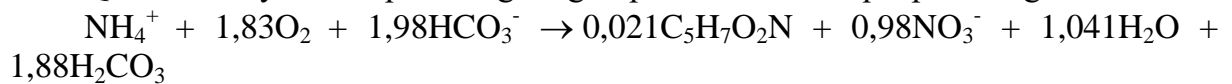
Các vi khuẩn *Nitrosomonas* và vi khuẩn *Nitrobacter* sử dụng năng lượng lấy từ các phản ứng trên để tự duy trì hoạt động sống và tổng hợp sinh khối. Có thể tổng hợp quá trình bằng phương trình sau: $\text{NH}_4^+ + 2 \text{O}_2 \rightarrow \text{NO}_3^- + 2\text{H}^+ + \text{H}_2\text{O}$

Cùng với quá trình thu năng lượng, một số ion Amoni được đồng hoá vận chuyển vào trong các mô tế bào. Quá trình tổng hợp sinh khối có thể biểu diễn bằng phương trình sau:



C₅H₇O₂N được dùng để tổng hợp nên sinh khối mới cho tế bào vi khuẩn.

Quá trình oxy hoá và phản ứng tổng hợp được thể hiện qua phản ứng sau:



Lượng oxy cần thiết để oxy hoá amoni thành nitrat cần 4,3 mg O₂/1mg NH₄⁺.

Nước thải từ bể MBBR được bơm tuần hoàn nước về Bể Anoxic tăng quá trình xử lý nitơ.

Bể lắng sinh học

Nước thải sau khi ra khỏi Bể MBBR chảy tràn qua Bể lắng sinh học. Tại đây, xảy ra quá trình lắng tách pha và giữ lại phần bùn (vi sinh vật). Phần bùn lắng này chủ yếu là vi sinh vật trôi ra từ Bể MBBR. Bùn từ bể lắng sinh học được dẫn sang bể chứa bùn, tại đây, một lượng bùn được bơm tuần hoàn về Bể Anoxic để đảm bảo duy trì lượng vi sinh trong bể. Phần bùn dư được bơm về Bể chứa bùn.

Bể khử trùng

Khử trùng là biện pháp nhằm loại bỏ tất cả các loại vi sinh vật có trong nước thải sau quá trình xử lý, để đảm bảo điều kiện vệ sinh và tránh các dịch bệnh mà các vi khuẩn đó gây ra. Tại bể khử trùng nước thải được trộn với Clo với liều lượng khoảng 3 g/m³ nước thải cung cấp bởi hệ thống bơm hóa chất nhằm tiêu diệt các VSV gây bệnh.

Bể trung gian

Nước từ bể khử trùng chảy qua bể trung gian. Bể trung gian có nhiệm vụ chứa nước sau bể khử trùng để tiến hành bơm lên bồn lọc áp lực.

Bồn lọc áp lực

Nước từ bể trung gian được bơm lên bồn lọc áp lực, nước đi từ trên xuống qua các lớp vật liệu lọc (cát, sỏi và than antraxit) để xử lý triệt để các chất rắn lơ lửng. Các chất rắn lơ lửng không tan và tan đều được giữ lại khi nước đi qua các lớp vật liệu lọc, nước trở nên sạch hơn sau khi qua các lớp vật liệu lọc. Sau mỗi chu kỳ lọc, cần

dính bám trên bề mặt lớp vật liệu lọc ở những lớp trên cùng và chúng được lấy ra bằng phương pháp rửa ngược. Nước rửa lọc được dẫn về bể điều hòa để xử lý. Nước thải sau xử lý đạt cột B theo QCVN 14:2008/BTNMT, K= 1 sẽ chảy theo đường ống HDPE, thải vào mương thoát nước của dự án, sau đó thoát ra kênh 19/5.

Bể chứa bùn

Phần bùn dư được chứa bùn ở bể chứa bùn. Lượng nước sau được tách ra khỏi bùn sẽ tự chảy về Bể thu gom + tuyến nổi. Phần bùn tại bể sẽ thuê đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển xử lý định kỳ.

Tháp xử lý khí

Khí từ các bể: bể thu gom + tuyến nổi, bể điều hòa, bể kỵ khí, bể anoxic, bể MBBR, bể lắng sinh học và bể chứa bùn theo đường ống dẫn về tháp xử lý khí, bên trong tháp có chứa than hoạt tính (than hoạt tính là một loại chất rắn không phân cực, rất xốp và nhẹ, nó được sử dụng rộng rãi trong xử lý khí thải do đặc tính hấp phụ cực kỳ hiệu quả của nó mang lại, khả năng hấp phụ bằng than hoạt tính thông qua cấu trúc bề mặt với các lỗ chân lông bẫy khí và hấp phụ khí. Hình thành lên các lỗ trống phân tử khá phức tạp, không đồng đều). Hệ thống xử lý khí thải bằng than hoạt tính sử dụng than hoạt tính theo nguyên tắc rất đơn giản: dòng khí thải sẽ được dẫn vào tháp xử lý (nơi chứa than hoạt tính), tại đây các chất bay hơi và khí độc sẽ được giữ lại, trả lại không khí sạch cho môi trường.

- Các loại hóa chất sử dụng của hệ thống xử lý nước thải: Clo, NaOH, dưỡng chất.

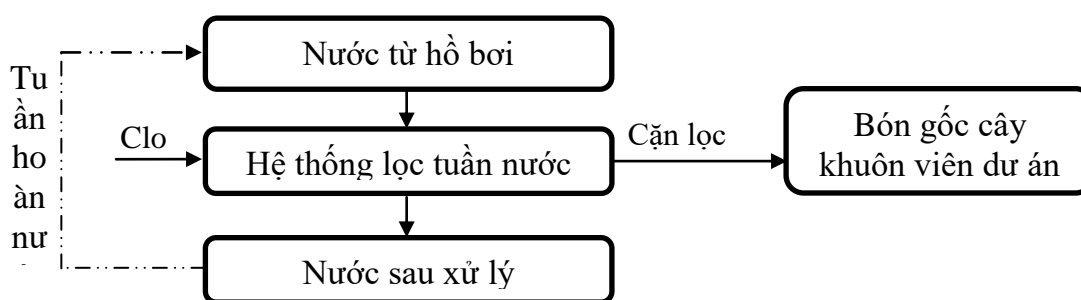
+ NaOH: Khoảng 0,5 kg/ngày.

+ Dưỡng chất: Khoảng 2 kg/ngày.

+ Clo: Khoảng 0,3 kg/ngày.

* Thu gom nước thải hồ bơi tại dự án

Quy trình thu gom nước hồ bơi:



Đối với hồ bơi huấn luyện thì được xây dựng là hồ bơi đi kèm hệ thống lọc tuần hoàn nước, không thải ra môi trường.

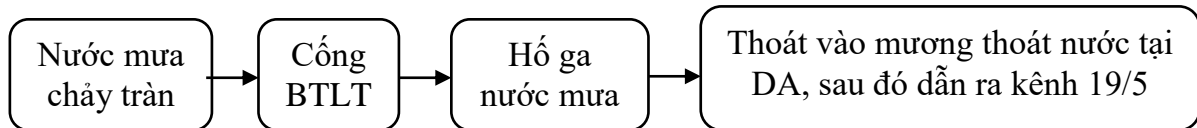
Giải pháp xử lý tuần hoàn nước thải hồ bơi đảm bảo vệ sinh an toàn vì quân số huấn luyện bơi không nhiều và không sử dụng hồ bơi liên tục dài ngày (chỉ hoạt động sử dụng hồ bơi 3 lần/năm, mỗi lần huấn luyện 3 ngày).

Nước thải từ hồ bơi huấn luyện được dẫn riêng về hệ thống đường ống và hệ thống lọc tuần hoàn nước (bể lọc có 5 lớp vật liệu lọc: cát thạch anh, vật liệu Filox, than hoạt tính, đá thạch anh, sỏi nhỏ <1,5 cm) để xử lý và tuần hoàn liên

tục trong 3 ngày, không thải ra môi trường. Định kỳ trước khi hồ bơi hoạt động quá trình huấn luyện, nước sau bể lọc mỗi lần hoạt động sẽ hòa trộn với Clo viên nén (liều lượng sử dụng 10 viên, mỗi viên có khối lượng là 20 g/viên) nhằm tiêu diệt các vi sinh vật gây bệnh. Cận lọc định kỳ tiến hành đem đi bón các gốc cây trong khuôn viên dự án. Chỉ định kỳ bổ sung thêm lượng nước bay hơi nếu cần, ước tính khoảng 50 m³/lần cấp nước khi hoạt động hồ bơi huấn luyện diễn ra.

* Về nước mưa chảy tràn

Quy trình thu gom, thoát nước mưa như sau:



Hệ thống thoát nước mưa trong giai đoạn hoạt động được thiết kế riêng với hệ thống đường cống thoát nước thải, thi công cùng với quá trình xây dựng cơ sở hạ tầng.

Nước mưa chảy tràn từ sân, đường nội bộ,... theo cao độ thiết kế chảy vào các hồ ga thoát nước mưa, trên mỗi hồ ga có bố trí song chắn rác nhằm lược rác có kích thước lớn ra khỏi nguồn nước. Nước mưa theo cống BTLT D400 nối nhau bởi các hồ ga (kích thước mỗi hồ ga 1,4 x 1,4 x 1,1m) tiếp đến chảy vào cống BTLT D600 nối nhau bởi các hồ ga (kích thước mỗi hồ ga 1,4 x 1,4 x 1,1m) sau đó thoát vào mương thoát nước tại dự án, sau đó dẫn ra kênh 19/5 (qua 01 điểm thoát nước mưa).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: không có.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

* Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố từ hệ thống xử lý nước thải

Biện pháp phòng ngừa và xử lý các sự cố từ hệ thống xử lý nước thải được thực hiện như sau:

- Duy trì thường xuyên và đúng quy định hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.
- Trang bị thiết bị dự phòng (máy bơm, máy thổi khí, máy khuấy,...) để sử dụng luân phiên hoặc thay thế ngay khi có sự cố.
- Thường xuyên kiểm tra hoạt động của hệ thống xử lý nước thải, kiểm tra và theo dõi việc châm hóa chất sử dụng và chất lượng nước thải đầu ra.
- Phân công nhân viên thường xuyên kiểm tra hệ thống điện; định kỳ bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị lắp đặt cho hệ thống xử lý nước thải đúng khuyến cáo của nhà cung cấp và vận hành hệ thống đúng nguyên tắc nhằm đảm bảo hệ thống luôn hoạt động ổn định và sớm phát hiện chi tiết hư hỏng để sửa chữa kịp thời.
- Trường hợp phát sinh sự cố từ thiết bị lắp đặt cho hệ thống xử lý nước thải sẽ sớm sửa chữa thiết bị hoặc thay mới để đảm bảo không bị gián đoạn hoạt động xử lý nước thải.
- Lập nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải để theo dõi, giám sát tình trạng hoạt động của hệ thống.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải vào nguồn tiếp nhận.

2.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: Không.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2799/GPMT-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long).

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn: Từ các phương tiện giao thông (khu vực nhà xe).

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn

Từ các phương tiện giao thông (khu vực nhà xe). Tọa độ (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°): X= 1111096, Y= 546189.

3. Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn (QCVN 26:2010/BTNMT), cụ thể như sau:

Thông số	Từ 6 – 21 giờ (dBA)	Từ 21 – 6 giờ (dBA)	Ghi chú
QCVN 26:2010/BTNMT	70	55	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Các phương tiện ra vào khu vực phải đảm bảo tốc độ quy định.
- Trồng cây xanh trong khuôn viên khu vực dự án nhằm hạn chế tiếng ồn phát ra ngoài.

- Tiếng ồn và độ rung đảm bảo đáp ứng yêu cầu về môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường, đối với tiếng ồn QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, đối với độ rung QCVN 27:2010/BTNMT– Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 3**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2799/GPMT-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long).

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt: ước tính khoảng 430,4 kg/ngày.

** Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt*

- *Thiết bị lưu chứa:* 5 thùng nhựa có nắp đậy kín, 120 lít/1 thùng.

- Kho chứa chất thải rắn sinh hoạt:

+ Diện tích kho: 20 m².

+ Thiết kế, cấu tạo của kho: Nền bê tông, vách tole, mái tole.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt khác

động khoảng 5 kg/năm được xem như là chất thải sinh hoạt khác theo quy định tại Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường 2020, sẽ được chủ dự án tổ chức thu gom theo quy định của UBND tỉnh.

2. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: Không.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG KHÁC**► Phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ**

Cháy nổ có thể xảy ra đối với bất kỳ hoạt động nào khi dự án đi vào hoạt động.

Vì vậy, PCCC là hoạt động quan trọng và cần thực hiện nghiêm ngặt:

– Khuyến khích sử dụng bình gas còn nguyên hình dạng ban đầu, đã được kiểm định kỹ thuật an toàn, chưa quá thời hạn kiểm định và phải được niêm phong.

– Thường xuyên kiểm tra hệ thống điện.

– Không đặt dây cáp điện trong cùng một đường rãnh ngầm hoặc nổi có ống dẫn hơi khí, chất lỏng dễ cháy. Không dùng các đường ống này làm vật nổi đất tự nhiên.

– Cầu dao, cầu chì, ổ cắm điện đặt ở ngoài khu vực chứa các chất dễ cháy, nổ. Bất kỳ các nhánh dây điện nào cũng có cầu chì hay thiết bị bảo vệ tương đương.

– Hệ thống điện chiếu sáng là loại phòng nổ, phải ngăn ngừa sự xâm nhập của hơi khí, bụi dễ cháy nổ vào thiết bị chiếu sáng.

– Khi sửa chữa, thay thế thiết bị điện thuộc nhánh nào thì cắt điện dẫn vào nhánh đó và treo bảng cấm đóng điện.